TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 14-9-2020
V/v: "tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Huỳnh Hoa.

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thu Minh;

Bà Vũ Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Học - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phan Quốc Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 49/2020/TLPT-HNGĐ, ngày 21 tháng 8 năm 2020 về việc "tranh chấp ly hôn".

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 38/2020/HNGĐ-ST, ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 49/2020/QĐ-PT, ngày 25 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; nơi đăng ký thường trú: Xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình; hiện đang tạm trú tại: Tổ 8, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Ngô Trí T, sinh năm 1964; nơi đăng ký thường trú: Xóm 7, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; hiện đang tạm trú tại: Tổ 8, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Ngô Trí T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25-11-2019 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Ngô Trí T chung sống với nhau từ năm 2009, đến năm 2011 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển số 01/2011 ngày 25-3-2011, việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống, thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2017, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông T đuổi bà ra khỏi nhà, bà đã trình báo sự việc với Công an xã L, huyện L, ông T có làm đơn cam kết sửa chữa ngày 20-11-2019 nhưng ông T không thay đổi. Từ khi xảy ra mâu thuẫn, bà và ông T không còn sống chung với nhau.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Ngô Thùy L, sinh ngày 09-11-2010. Hiện bà đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Có nhà và đất nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 26-8-2020 và tại phiên tòa bị đơn ông Ngô Trí T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với lời khai của bà T về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn. Tuy nhiên, ngoài nguyên nhân mà bà T trình bày thì mâu thuẫn là do bà T có quan hệ tình cảm với người khác. Vợ chồng còn tình cảm với nhau nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Ngô Thùy L, sinh ngày 09-11-2010. Hiện bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Có nhà và đất nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 38/2020/HNGĐ-ST, ngày 28 tháng 5 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Long Thành: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000. Căn cứ Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu tranh chấp ly hôn của bà Nguyễn Thị T. Cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Ngô Trí T.

Về con chung: Bà T được quyền nuôi dưỡng cháu Ngô Thùy L, sinh ngày 09-11-2010. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T được quyền đến thăm con không ai được ngăn cản, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không xem xét.

Về nợ chung: Không xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10-6-2020, bị đơn ông Ngô Trí T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung tranh chấp: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Ngô Trí T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Ngô Trí T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T chung sống với nhau từ năm 2009, đến năm 2011 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An, theo giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển số 01/2011 ngày 25-3-2011, việc kết hôn là tự nguyên nên hôn nhân hợp pháp đúng theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Bà T yêu cầu ly hôn với ông T, vì quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông T đuổi bà T ra khỏi nhà, bà T đã trình báo sự việc với Công an xã L, huyện L, ông T có làm đơn cam kết sửa chữa ngày 20-11-2019 nhưng ông T không thay đổi. Về phía ông T, ông T thừa nhận có phát sinh mâu thuẫn như bà T trình bày, nhưng do vẫn còn tình cảm với bà T nên ông T không đồng ý ly hôn; Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên bản xác minh ngày 05-3-2020 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành tại Công an xã L, huyện L thể hiện giữa bà T và ông T trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, ông T đã có hành vi đuổi bà T ra khỏi nhà, Công an xã L đã mời bà T ông T đến làm việc và ông T đã viết bản cam kết sửa đổi đúng như bà T trình bày nên mâu thuẫn giữa bà T và ông T là có thật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để bà T ông T hòa giải đoàn tụ, tuy nhiên ông T vắng mặt; tại phiên tòa bà T kiên quyết ly hôn cho thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm cho bà T được ly hôn với ông T là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Ngô Thùy L, sinh ngày 09-11-2010, hiện đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu L như cháu L là con gái, xét về tâm sinh lý cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ hơn; đã xem xét nguyện vọng của cháu L muốn sống cùng với mẹ. Do đó, cấp sơ thẩm giao cháu L cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, đúng pháp luật. Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết Tòa án giải quyết nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là đúng quy định.

Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là đúng quy định.

Từ những nhận định trên, kháng cáo của bị đơn ông Ngô Trí T không có căn cứ nên không chấp nhận, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

+ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào biên lai tạm ứng án phí số 0002776 ngày 06-12-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành (bà T đã nộp xong án phí).

+ Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Ông Ngô Trí T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, được trừ vào biên lai tạm ứng án phí số 0001556 ngày 11-6-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành (ông T đã nộp xong án phí).

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Ngô Trí T; giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 38/2020/HNGĐ-ST ngày 28-5-2020 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc "Tranh chấp ly hôn". Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Ngô Trí T.

2. Về con chung:

Giao cháu Ngô Thùy L, sinh ngày 09-11-2010 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu L thành niên và có khả năng lao động. Ông Ngô Trí T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

+ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào biên lai tạm ứng án phí số 0002776 ngày 06-12-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành (bà T đã nộp xong án phí).

+ Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Ông Ngô Trí T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, được trừ vào biên lai tạm ứng án phí số 0001556 ngày 11-6-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành (ông T đã nộp xong án phí).

5. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuân thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân huyện Long Thành;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Thị Huỳnh Hoa